

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ HÀ GIANG

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI
NỘI DUNG TRÊN NỀN TẢNG SỐ CỦA
ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

Chuyên ngành: Báo chí học

Mã số: 9320101.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ BÁO CHÍ HỌC

Hà Nội - 2026

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS.TS Bùi Chí Trung
- 2. TS. Nguyễn Minh Hải

Phản biện:

Phản biện:

Phản biện:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án tiến sĩ họp tại

.....
vào hồi giờ ngày tháng năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh truyền thông số, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, các nền tảng trực tuyến, thuật toán, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, cùng với sự thay đổi trong hành vi và nhu cầu của công chúng, đang làm biến đổi sâu sắc phương thức sản xuất, phân phối và tiếp nhận nội dung truyền hình. Công chúng ngày càng dịch chuyển sang môi trường số, tiếp nhận nội dung qua thiết bị di động, ứng dụng, mạng xã hội và các nền tảng video trực tuyến, đặt các đòi hỏi truyền hình trước yêu cầu chuyển đổi từ mô hình chủ yếu dựa trên phát sóng sang sản xuất và phân phối nội dung đa nền tảng. Đối với Đài Truyền hình Việt Nam (THVN), quá trình chuyển đổi số đã được triển khai thông qua việc phát triển VTV.vn, VTGo và mở rộng phân phối nội dung trên YouTube, Facebook, TikTok cùng các nền tảng số khác. Tuy nhiên, việc mở rộng nền tảng và gia tăng sản lượng nội dung chưa đồng nghĩa với việc đã hình thành đầy đủ một mô hình sản xuất và phân phối đa nền tảng có tính tích hợp. Thực tiễn đặt ra những vấn đề về năng lực sản xuất nội dung đa nền tảng, cơ chế phối hợp và sử dụng nguồn lực, khai thác dữ liệu và phản hồi công chúng, cũng như sự liên kết giữa sản xuất và phân phối thành một chu trình có phản hồi. Đồng thời, Đài THVN phải bảo đảm nhiệm vụ chính trị – xã hội, hiệu quả kinh tế và nguồn lực phát triển trong môi trường số.

Trong khi đó, các nghiên cứu trong và ngoài nước chủ yếu tiếp cận từng phương diện như hành vi công chúng, truyền hình đa nền tảng, kỹ năng tác nghiệp số, công nghệ phân phối hoặc sản xuất chương trình trên đa nền tảng. Vì vậy, cần nghiên cứu hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN như một chu trình có sự liên kết giữa các khâu, trong đó dữ liệu và phản hồi của công chúng tham gia kết nối sản xuất với phân phối. Trên cơ sở đó, luận án khảo sát thực trạng, nhận diện những vấn đề đặt ra và đề xuất giải pháp, mô hình nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Luận án hệ thống hóa những vấn đề lý luận, thực tiễn về hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên NTS, khảo sát thực trạng hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên NTS của Đài THVN; từ đó chỉ rõ những vấn đề đặt ra và đề xuất giải pháp, mô hình nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên NTS của Đài THVN.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa các tài liệu và công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên NTS; từ đó xác định khoảng trống nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục làm rõ.

- Làm rõ một số khái niệm, cơ sở lý luận liên quan đến hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên NTS của truyền hình.

- Khảo sát thực trạng hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên NTS của Đài THVN.

- Phân tích những thành công, hạn chế, nguyên nhân, xác định các vấn đề đặt ra đối với hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên NTS của Đài THVN.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, mô hình nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên NTS của Đài THVN.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài Truyền hình Việt Nam (Đài THVN).

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án nghiên cứu trường hợp Đài THVN, tập trung khảo sát hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên các nền tảng số chủ lực gồm VTVGo, VTV.vn và các nền tảng mạng xã hội. Thời gian nghiên cứu từ tháng 01/2024 đến tháng 09/2025; các trường hợp và sản phẩm được phân tích trong phạm vi thời gian nghiên cứu.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng,

Nhà nước về phát triển báo chí, truyền thông và chuyển đổi số quốc gia. Về lý thuyết, luận án vận dụng lý thuyết hội tụ truyền thông của Henry Jenkins, lý thuyết chuỗi giá trị truyền thông của Robert G. Picard, mô hình tiến hóa của công chúng truyền thông của Philip M. Napoli và lý thuyết quản trị truyền thông. Các cách tiếp cận này được sử dụng để luận giải sự chuyển đổi phương thức sản xuất và phân phối, mối liên kết giữa sản xuất – phân phối, vai trò của công chúng và dữ liệu, cũng như các điều kiện về tổ chức, nhân lực, công nghệ và quản trị trong môi trường truyền thông số. Pasted text

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án kết hợp nghiên cứu tài liệu, khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu. Nghiên cứu định lượng được thực hiện với 380 phiếu khảo sát hợp lệ từ đội ngũ nhân sự tham gia hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN. Dữ liệu được xử lý bằng SPSS, sử dụng Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và thống kê mô tả.

Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua 23 cuộc phỏng vấn sâu, gồm 12 nhà báo trực tiếp tham gia sản xuất và phân phối nội dung số, 8 cán bộ quản lý và 3 chuyên gia quốc tế thuộc Hiệp hội Phát thanh Truyền hình Châu Á – Thái Bình Dương (ABU). Kết quả phỏng vấn được sử dụng để bổ sung, giải thích và đối chiếu với kết quả khảo sát định lượng.

5. Câu hỏi nghiên cứu

RQ1. Hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN đã chuyển đổi như thế nào về tổ chức, phương thức sản xuất, phương thức phân phối và sự thích ứng của nội dung với môi trường truyền thông đa nền tảng?

RQ2. Hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN được liên kết với nhau theo cơ chế nào; dữ liệu, phản hồi của công chúng và kết quả phân phối được sử dụng như thế nào để điều chỉnh hoạt động sản xuất nội dung?

RQ3. Những điều kiện về tổ chức và phối hợp, nguồn nhân lực, công nghệ, quản trị dữ liệu và môi trường nền tảng có vai trò như

thể nào đối với sự vận hành và liên kết giữa hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN?

6. Giả thuyết nghiên cứu

H1. Hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN đang chuyển dịch từ phương thức chủ yếu phục vụ phát sóng sang phương thức sản xuất và phân phối đa nền tảng; trong đó, yêu cầu của nền tảng, đặc điểm của công chúng và khả năng khai thác dữ liệu ngày càng được chú trọng trong tổ chức sản xuất, phát triển và phân phối nội dung.

H2. Sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN có xu hướng chuyển từ quy trình tuyến tính sang chu trình có phản hồi, trong đó dữ liệu, phản hồi của công chúng và kết quả phân phối được sử dụng để hỗ trợ điều chỉnh nội dung, kế hoạch và phương thức sản xuất; tuy nhiên, cơ chế liên kết và phản hồi này chưa được thực hiện đồng bộ giữa các khâu và đơn vị.

H3. Sự vận hành và liên kết giữa hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN gắn với mức độ đồng bộ của các điều kiện về tổ chức và phối hợp, năng lực nhân sự, hạ tầng công nghệ, quản trị dữ liệu và khả năng thích ứng với đặc trưng của từng nền tảng; những bất cập hoặc thiếu đồng bộ giữa các điều kiện này có thể làm hạn chế sự vận hành của chu trình sản xuất – phân phối nội dung trên nền tảng số.

7. Đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, luận án hệ thống hóa và bổ sung cơ sở lý luận về sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của truyền hình trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thứ hai, luận án xây dựng khung nghiên cứu gồm ba thành tố: sản xuất nội dung số, phân phối nội dung số và sự tích hợp giữa sản xuất – phân phối, nhấn mạnh vai trò của dữ liệu và phản hồi công chúng.

Thứ ba, luận án cung cấp bằng chứng thực chứng tại Đài THVN qua khảo sát 380 nhân sự và phỏng vấn sâu 23 nhà báo, cán bộ quản lý, chuyên gia, qua đó nhận diện kết quả, hạn chế và các vấn đề đặt ra.

Thứ tư, luận án đề xuất hệ thống giải pháp và mô hình ứng dụng nhằm tăng cường tích hợp sản xuất – phân phối, khai thác dữ

liệu, phản hồi công chúng và nâng cao hiệu quả hoạt động trên nền tảng số.

8. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

8.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần hệ thống hóa và bổ sung cơ sở lý luận về hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của truyền hình; làm rõ mối quan hệ giữa sản xuất, phân phối và mức độ tích hợp giữa hai hoạt động trong môi trường truyền thông số. Khung nghiên cứu và hệ thống tiêu chí của luận án có thể được sử dụng như nguồn tham khảo cho các nghiên cứu về sản xuất, phân phối nội dung và chuyển đổi số trong lĩnh vực báo chí – truyền thông. Pasted text

8.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu cung cấp luận cứ thực tiễn cho Đài THVN trong quá trình đổi mới hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số, đặc biệt về tổ chức sản xuất đa nền tảng, phát triển nguồn nhân lực số, khai thác dữ liệu công chúng, ứng dụng công nghệ, quản trị tài sản nội dung và tăng cường liên kết giữa sản xuất với phân phối.

Hệ thống giải pháp và mô hình được đề xuất có thể được sử dụng như nguồn tham khảo cho Đài THVN và, với những điều chỉnh phù hợp, cho các cơ quan báo chí – truyền thông có đặc điểm tương đồng trong quá trình chuyển đổi số; đồng thời có thể phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và đào tạo về báo chí – truyền thông, truyền hình và truyền thông số. Pasted text

9. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án gồm bốn chương:

Chương 1. Tổng quan nghiên cứu.

Chương 2. Cơ sở lý luận về hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của đài truyền hình.

Chương 3. Thực trạng hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài Truyền hình Việt Nam.

Chương 4. Một số vấn đề đặt ra và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài Truyền hình Việt Nam.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Hướng nghiên cứu về hoạt động sản xuất nội dung trên nền tảng số

1.1.1. Trên thế giới

Các nghiên cứu trên thế giới tập trung làm rõ sự thay đổi của hoạt động sản xuất nội dung dưới tác động của công nghệ số, Internet và truyền thông hội tụ. Nhiều công trình khẳng định quá trình chuyển dịch từ mô hình sản xuất truyền thống sang mô hình sản xuất đa nền tảng, trong đó dữ liệu công chúng, công nghệ số và khả năng tương tác giữ vai trò ngày càng quan trọng.

1.1.2. Ở Việt Nam

Tại Việt Nam, các nghiên cứu tập trung vào chuyển đổi số báo chí, tòa soạn hội tụ, sản xuất nội dung đa phương tiện và sự thích ứng của các cơ quan báo chí trước sự phát triển của môi trường số. Các công trình đã làm rõ những thay đổi về tổ chức sản xuất, nguồn nhân lực, nội dung và công nghệ trong hoạt động báo chí – truyền thông hiện nay.

1.2. Hướng nghiên cứu về hoạt động phân phối nội dung trên nền tảng số

1.2.1. Trên thế giới

Các nghiên cứu quốc tế cho thấy hoạt động phân phối nội dung đang chuyển từ mô hình một chiều sang mô hình đa chiều, dựa trên dữ liệu và thuật toán. Nhiều nghiên cứu đã làm rõ vai trò của nền tảng số, dữ liệu người dùng, trí tuệ nhân tạo và cơ chế cá nhân hóa trong hoạt động phân phối nội dung.

1.2.2. Tại Việt Nam

Các nghiên cứu trong nước tập trung vào công chúng số, hành vi tiếp nhận thông tin, truyền thông xã hội, truyền hình đa nền tảng và các hình thức tương tác của công chúng trên môi trường số. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động phân phối nội dung ngày càng chịu ảnh hưởng bởi nền tảng số và sự thay đổi hành vi của công chúng.

1.3. Hướng nghiên cứu về công nghệ, thuật toán và trí tuệ nhân tạo trong sản xuất, phân phối nội dung trên nền tảng số

1.3.1. Trên thế giới

Nhiều nghiên cứu đã khẳng định vai trò của dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây và các công nghệ số trong toàn bộ chu trình sản xuất và phân phối nội dung. Công nghệ không chỉ hỗ trợ mà còn tác động trực tiếp đến quá trình sáng tạo, quản trị, phân phối và đánh giá hiệu quả nội dung.

1.3.2. Tại Việt Nam

Các công trình nghiên cứu chủ yếu tập trung vào chuyển đổi số báo chí, báo chí dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các nền tảng quản trị nội dung số. Kết quả nghiên cứu cho thấy công nghệ đang trở thành yếu tố quan trọng trong quá trình đổi mới hoạt động báo chí – truyền thông ở Việt Nam.

1.4. Hướng nghiên cứu về hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của truyền hình

1.4.1. Trên thế giới

Các nghiên cứu tập trung vào quá trình chuyển đổi của truyền hình từ mô hình phát sóng truyền thống sang mô hình truyền hình đa nền tảng; làm rõ sự thay đổi của chuỗi giá trị nội dung, mô hình kinh doanh, công nghệ và hành vi công chúng trong môi trường số.

1.4.2. Tại Việt Nam

Các nghiên cứu đã đề cập đến chuyển đổi số truyền hình, truyền hình đa nền tảng, mô hình hội tụ truyền thông và hoạt động phân phối nội dung trên Internet. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu mới tiếp cận từng khía cạnh riêng lẻ mà chưa xem xét toàn diện mối quan hệ giữa sản xuất, phân phối, dữ liệu, công nghệ và công chúng trong cùng một mô hình nghiên cứu.

1.5. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan, nhưng vẫn cần thiết nghiên cứu cách toàn diện hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài Truyền hình Việt Nam dưới góc độ tích hợp giữa sản xuất, phân phối, dữ liệu, công nghệ và công chúng. Đồng thời, chưa có nghiên cứu đề xuất mô hình vận hành tích hợp phù hợp với đặc thù của Đài THVN trong bối cảnh chuyển đổi số.

Tiểu kết chương 1

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI NỘI DUNG TRÊN NỀN TẢNG SỐ CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH

2.1. Các khái niệm liên quan

2.1.1. Truyền hình đa nền tảng

Truyền hình đa nền tảng là mô hình trong đó nội dung được sản xuất, tổ chức và phân phối đồng thời trên nhiều nền tảng như truyền hình quảng bá, OTT, website, ứng dụng di động và mạng xã hội nhằm mở rộng khả năng tiếp cận công chúng và nâng cao hiệu quả truyền thông.

2.1.2. Nền tảng số

Nền tảng số là hệ thống công nghệ hoạt động trên môi trường Internet, cho phép kết nối giữa nội dung, công chúng, dữ liệu và các chủ thể tham gia truyền thông, đồng thời hỗ trợ hoạt động sản xuất, phân phối và quản trị nội dung số.

2.1.3. Nội dung trên nền tảng số

Nội dung trên nền tảng số là các sản phẩm thông tin được số hóa dưới nhiều hình thức như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, livestream, infographic, podcast và multimedia để phân phối trên môi trường số.

2.1.4. Sản xuất nội dung trên nền tảng số

Sản xuất nội dung trên nền tảng số là quá trình nghiên cứu công chúng, xây dựng ý tưởng, tổ chức sản xuất và hoàn thiện các sản phẩm nội dung số dựa trên sự kết hợp giữa nguồn nhân lực, công nghệ và dữ liệu.

2.1.5. Phân phối nội dung trên nền tảng số

Phân phối nội dung trên nền tảng số là quá trình tổ chức, tối ưu hóa và lan tỏa nội dung tới công chúng thông qua các nền tảng số nhằm nâng cao khả năng tiếp cận, tương tác và giá trị nội dung.

2.1.6. Hoạt động tích hợp sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số

Là sự liên kết giữa hoạt động sản xuất và phân phối thông qua dữ liệu, công nghệ, nền tảng và cơ chế quản trị nhằm tối ưu hóa toàn bộ chu trình vận hành nội dung số.

2.2. Sự chuyển đổi mô hình sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của đài truyền hình

2.2.1. Những điều kiện thúc đẩy sự chuyển đổi

2.2.2. Sự biến đổi, phân mảnh của công chúng và cạnh tranh thu hút sự chú ý

2.2.3. Sự chuyển đổi mô hình sản xuất, phân phối nội dung

2.3. Phương thức sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của đài truyền hình

2.3.1. Phương thức sản xuất nội dung trên nền tảng số

Hoạt động sản xuất nội dung trên nền tảng số được thể hiện trên phương diện:

- Nguồn nhân lực sản xuất nội dung.
- Nội dung và phương thức biểu đạt nội dung.
- Các giai đoạn sản xuất nội dung.
- Công nghệ trong sản xuất nội dung.

Các phương diện này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, quyết định chất lượng và hiệu quả của hoạt động sản xuất nội dung số.

2.3.2. Phương thức phân phối nội dung trên nền tảng số

Hoạt động phân phối nội dung trên nền tảng số được thể hiện trên các phương diện:

- Chủ thể tham gia phân phối nội dung.
- Độ phủ và khả năng tiếp cận công chúng.
- Các giai đoạn phân phối nội dung.
- Hoạt động quảng bá và lan tỏa nội dung.
- Công nghệ trong phân phối nội dung.

Những thành tố này quyết định hiệu quả tiếp cận, tương tác và lan tỏa của nội dung trên môi trường số.

2.3.3. Phương thức tích hợp sản xuất, phân phối nội dung trên nền tảng số của đài truyền hình

Chuỗi giá trị hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số được hình thành trên các phương diện:

- Mức độ liên kết giữa sản xuất và phân phối nội dung.

- Quản trị dữ liệu và tài sản số.
- Khả năng thích ứng với môi trường truyền thông số.
- Giá trị tạo ra từ hoạt động nội dung số.

2.4. Các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của đài truyền hình

Nhóm yếu tố bên ngoài

Các yếu tố bên ngoài bao gồm môi trường chính trị – pháp luật, sự phát triển của khoa học công nghệ, xu hướng truyền thông toàn cầu, mức độ cạnh tranh của các nền tảng số và sự thay đổi hành vi tiếp nhận thông tin của công chúng.

Nhóm yếu tố bên trong

Các yếu tố bên trong bao gồm chiến lược phát triển, mô hình tổ chức, nguồn nhân lực, hạ tầng công nghệ, nguồn lực tài chính, dữ liệu và năng lực quản trị của cơ quan truyền hình.

2.5. Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất, phân phối và hệ thống tích hợp

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã xây dựng cơ sở lý luận cho nghiên cứu thông qua việc hệ thống hóa các khái niệm, xác định các phương thức trong hoạt động sản xuất, phân phối và tích hợp sản xuất – phân phối nội dung trên nền tảng số; đồng thời làm rõ các yếu tố tác động và tiêu chí đánh giá. Đây là cơ sở khoa học để đánh giá thực trạng hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài Truyền hình Việt Nam ở Chương 3.

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI NỘI DUNG TRÊN NỀN TẢNG SỐ CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

3.1. Giới thiệu về Đài Truyền hình Việt Nam

Đài Truyền hình Việt Nam (THVN) là cơ quan truyền thông chủ lực quốc gia, thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền và phục vụ nhu cầu tiếp nhận thông tin của công chúng. Trong những năm gần đây, Đài THVN đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển hệ sinh thái truyền thông đa nền tảng gồm truyền hình quảng bá, nền tảng

OTT, báo điện tử và các nền tảng mạng xã hội. Việc thành lập Trung tâm Sản xuất và Phát triển Nội dung số (VTVDigital) đã góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi từ mô hình truyền hình truyền thống sang mô hình truyền thông đa nền tảng.

3.2. Giới thiệu các nền tảng số thuộc phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Nhóm nền tảng sở hữu

a) VTVGo

VTVGo là nền tảng OTT quốc gia do Đài THVN phát triển, cung cấp dịch vụ xem truyền hình trực tuyến, video theo yêu cầu và các nội dung số khác trên nhiều thiết bị. Đây là nền tảng giữ vai trò trung tâm trong chiến lược phát triển hệ sinh thái số của Đài THVN.

b) Báo điện tử VTV.vn

VTV.vn là nền tảng thông tin số chủ lực của Đài THVN, cung cấp thông tin đa lĩnh vực và là kênh phân phối quan trọng đối với các sản phẩm nội dung số được phát triển từ hệ thống chương trình truyền hình.

3.2.2. Nhóm nền tảng mạng xã hội

Nghiên cứu tập trung khảo sát các nền tảng TikTok VTV24, YouTube VTV24 và Fanpage VTV24. Đây là những nền tảng có lượng công chúng lớn, phản ánh rõ nét hoạt động sản xuất và phân phối nội dung số của Đài THVN trong môi trường truyền thông đa nền tảng.

3.3. Kết quả xử lý và phân tích dữ liệu khảo sát

3.3.1. Kiểm định chất lượng thang đo

a) Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha cho thấy toàn bộ các thang đo đều đạt độ tin cậy tốt với hệ số Cronbach's Alpha dao động từ 0,851 đến 0,965; các hệ số tương quan biến – tổng hiệu chỉnh đều lớn hơn 0,30. Kết quả này khẳng định các biến quan sát bảo đảm độ tin cậy để tiếp tục phân tích.

b) Kiểm định giá trị của thang đo bằng EFA

Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho thấy dữ liệu phù hợp với mô hình nghiên cứu. Các nhân tố được xác định đúng theo khung lý thuyết gồm 07 nhân tố thuộc hoạt động sản xuất nội

dung số, 07 nhân tố thuộc hoạt động phân phối nội dung số và 04 nhân tố thuộc hoạt động tích hợp sản xuất – phân phối nội dung số.

3.3.2. Thực trạng hoạt động sản xuất nội dung trên NTS của Đài THVN

a) Tổ chức nguồn nhân lực sản xuất nội dung

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động sản xuất nội dung số tại Đài THVN đang được tổ chức theo hướng newsroom hội tụ. Phóng viên, biên tập viên và các bộ phận liên quan ngày càng tham gia vào quy trình sản xuất đa nền tảng. Mức độ phối hợp giữa các bộ phận được đánh giá tương đối cao, phản ánh xu hướng chuyển dịch từ mô hình sản xuất truyền hình truyền thống sang mô hình sản xuất nội dung số tích hợp.

b) Nội dung và phương thức biểu đạt nội dung trên nền tảng số

- Về nội dung sản xuất

Nội dung trên nền tảng số của Đài THVN được triển khai tương đối đa dạng, bao gồm các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học, giáo dục, công nghệ, sức khỏe và giải trí. Trong đó, các nội dung thời sự, xã hội và thông tin phục vụ cộng đồng chiếm tỷ trọng lớn.

- Về phương thức biểu đạt nội dung

Các hình thức thể hiện nội dung chủ yếu gồm video, livestream, infographic và multimedia. Đài THVN đã từng bước đổi mới phương thức biểu đạt nhằm phù hợp với đặc điểm của từng nền tảng, tuy nhiên tỷ lệ nội dung số gốc vẫn chưa cao.

c) Các giai đoạn sản xuất nội dung trên nền tảng số

- Giai đoạn nghiên cứu công chúng và dữ liệu nền tảng

Đài THVN đã từng bước sử dụng dữ liệu công chúng và dữ liệu nền tảng trong quá trình lựa chọn chủ đề, xây dựng kế hoạch và đánh giá hiệu quả nội dung. Tuy nhiên, việc khai thác dữ liệu vẫn chưa đồng đều giữa các đơn vị.

- Giai đoạn lập kế hoạch sản xuất nội dung

Hoạt động lập kế hoạch đã có sự thay đổi theo hướng phù hợp với đặc điểm của từng nền tảng và nhu cầu công chúng số. Dữ liệu công chúng bước đầu được sử dụng như một căn cứ hỗ trợ quá trình ra quyết định.

- Giai đoạn sáng tạo và phát triển nội dung

Đài THVN đã gia tăng các sản phẩm video ngắn, livestream, nội dung đa nền tảng và các sản phẩm được thiết kế riêng cho môi trường số. Tuy nhiên, áp lực về tốc độ sản xuất và sự thiếu hụt nhân lực số vẫn là những thách thức đáng kể.

- d) Công nghệ trong hoạt động sản xuất nội dung

Các công nghệ như CMS, MAM, điện toán đám mây, dashboard dữ liệu và trí tuệ nhân tạo đã được triển khai trong hoạt động sản xuất nội dung. Công nghệ góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tuy nhiên mức độ ứng dụng AI và khai thác dữ liệu chuyên sâu vẫn còn hạn chế.

3.3.3. Thực trạng hoạt động phân phối nội dung trên NTS của Đài THVN

a) Nguồn nhân lực phân phối nội dung

Hoạt động phân phối nội dung có sự tham gia của nhiều nhóm nhân sự như biên tập viên nền tảng, quản trị viên, chuyên viên truyền thông số và bộ phận kỹ thuật. Xu hướng đa nhiệm và phối hợp liên đơn vị ngày càng trở nên rõ nét.

b) Độ phủ và khả năng tiếp cận của nền tảng số

Đài THVN hiện diện trên nhiều nền tảng khác nhau như TikTok, Facebook, YouTube, VTGo và VTV.vn. Hệ sinh thái đa nền tảng giúp mở rộng khả năng tiếp cận công chúng và gia tăng hiệu quả lan tỏa thông tin.

c) Các giai đoạn phân phối nội dung trên nền tảng số

- Giai đoạn lập kế hoạch phân phối

Hoạt động phân phối nội dung được thực hiện trên cơ sở xác định công chúng mục tiêu, lựa chọn nền tảng phù hợp và xây dựng kế hoạch phân phối tương ứng với từng loại nội dung.

- Giai đoạn đăng tải và tối ưu nội dung

Đài THVN đã triển khai các hoạt động tối ưu hóa tiêu đề, hình ảnh đại diện, từ khóa và hashtag nhằm nâng cao khả năng tiếp cận công chúng trên các nền tảng số.

- Giai đoạn tương tác và phản hồi công chúng

Dữ liệu tương tác của công chúng được sử dụng để đánh giá hiệu quả nội dung và hỗ trợ quá trình điều chỉnh chiến lược phân phối trên từng nền tảng.

d) Hoạt động quảng bá và lan tỏa nội dung số

Đài THVN thực hiện quảng bá nội dung thông qua hệ sinh thái đa nền tảng, kết hợp giữa nền tảng sở hữu và nền tảng mạng xã hội nhằm gia tăng độ phủ và khả năng lan tỏa nội dung.

đ) Công nghệ trong hoạt động phân phối nội dung

Các công cụ phân tích dữ liệu, hệ thống đo lường công chúng và các giải pháp công nghệ số ngày càng được ứng dụng nhiều hơn trong hoạt động phân phối nội dung nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận công chúng.

3.3.4. Thực trạng liên kết, tích hợp chu trình sản xuất, phân phối nội dung trên NTS của Đài THVN

a) Liên kết giữa hoạt động sản xuất và phân phối nội dung

Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động sản xuất và phân phối nội dung tại Đài THVN đã có sự kết nối ngày càng chặt chẽ hơn. Tuy nhiên, mức độ tích hợp giữa các bộ phận vẫn chưa hoàn toàn đồng bộ.

b) Quản trị dữ liệu và tài sản số

Đài THVN đã bước đầu xây dựng hệ thống quản trị dữ liệu và tài sản số phục vụ hoạt động nội dung. Tuy nhiên, việc chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa các đơn vị còn chưa thực sự hiệu quả.

c) Khả năng thích ứng

Nguồn nhân lực, công nghệ và mô hình tổ chức của Đài THVN đang từng bước thích ứng với môi trường truyền thông số, song vẫn chịu áp lực từ sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và hành vi công chúng.

d) Giá trị tạo ra

Hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số góp phần mở rộng công chúng, nâng cao hiệu quả truyền thông, gia tăng giá trị thương hiệu và tạo tiền đề cho việc phát triển các nguồn thu mới trong môi trường số.

Tiểu kết chương 3

Kết quả nghiên cứu cho thấy Đài THVN đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong quá trình chuyển đổi số, từng bước hình thành hệ sinh thái nội dung số đa nền tảng, phát triển mô hình newsroom hội tụ và tăng cường ứng dụng công nghệ trong hoạt động sản xuất và phân phối nội dung. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế liên quan đến nội dung số gốc, nguồn nhân lực số, khai thác dữ liệu, ứng dụng công nghệ và mức độ tích hợp giữa các công đoạn trong chu trình nội dung số. Những kết quả này là cơ sở thực tiễn để đề xuất các giải pháp và mô hình nâng cao hiệu quả hoạt động ở Chương 4.

CHƯƠNG 4. VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI NỘI DUNG TRÊN NỀN TẢNG SỐ CỦA ĐÀI THVN

4.1. Những vấn đề đặt ra đối với hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN

4.1.1. Những vấn đề đặt ra đối với hoạt động sản xuất nội dung trên nền tảng số

Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động sản xuất nội dung trên nền tảng số của Đài THVN đang đối mặt với nhiều yêu cầu mới. Đó là sự chuyển dịch từ tư duy sản xuất truyền hình sang tư duy sản xuất nội dung số lấy công chúng và dữ liệu làm trung tâm; yêu cầu phát triển nội dung số gốc; nâng cao năng lực vận hành theo mô hình hội tụ; tăng cường ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo; đồng thời bảo đảm vai trò dẫn dắt thông tin của cơ quan truyền thông chủ lực quốc gia trong môi trường số.

4.1.2. Những vấn đề đặt ra đối với hoạt động phân phối nội dung trên nền tảng số

Hoạt động phân phối nội dung đang chịu tác động mạnh mẽ từ sự phát triển của các nền tảng số xuyên biên giới, sự thay đổi hành vi công chúng và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong môi trường truyền thông số. Đài THVN cần nâng cao khả năng làm chủ hệ thống phân phối, mở rộng độ phủ, phát triển công chúng số và tăng cường ứng dụng dữ liệu trong quá trình phân phối nội dung.

4.1.3. Những vấn đề đặt ra đối với chuỗi tích hợp sản xuất và phân phối nội dung

Mặc dù đã có những bước tiến trong quá trình chuyển đổi số nhưng sự liên kết giữa các giai đoạn sản xuất và phân phối nội dung vẫn chưa thực sự đồng bộ. Vai trò của dữ liệu trong toàn bộ chu trình nội dung chưa được phát huy đầy đủ; hoạt động quản trị dữ liệu và tài sản số còn nhiều hạn chế; khả năng thích ứng với môi trường truyền thông số cần tiếp tục được nâng cao.

4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN

4.2.1. Cơ sở đề xuất giải pháp

Các giải pháp được đề xuất trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận, khảo sát định lượng, phỏng vấn sâu chuyên gia và những vấn đề đặt ra từ thực tiễn hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN.

4.2.2. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất nội dung trên nền tảng số

4.2.2.1. Nâng cao nhận thức và tư duy chiến lược của lãnh đạo

Đài THVN cần tiếp tục đổi mới tư duy quản trị theo hướng lấy công chúng và dữ liệu làm trung tâm; tăng cường năng lực lãnh đạo số và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong toàn bộ hệ thống.

4.2.2.2. Hoàn thiện mô hình tổ chức theo hướng newsroom hội tụ

Tiếp tục hoàn thiện mô hình newsroom hội tụ; tăng cường liên kết giữa các đơn vị sản xuất, công nghệ, dữ liệu và nền tảng; nâng cao hiệu quả phối hợp trong toàn bộ chu trình nội dung.

4.2.2.3. Nhóm giải pháp sáng tạo, phát triển các tuyến nội dung trụ cột và đa dạng hóa phương thức thể hiện nội dung số

Gia tăng tỷ trọng nội dung digital-first; phát triển các tuyến nội dung trụ cột; đa dạng hóa hình thức thể hiện như video ngắn, livestream, podcast, infographic và multimedia storytelling.

4.2.2.4. Phát triển nguồn nhân lực số và tăng cường ứng dụng công nghệ

Xây dựng đội ngũ nhân sự đa kỹ năng; đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số; tăng cường ứng dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây và các công nghệ mới trong hoạt động sản xuất nội dung.

4.2.3. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phân phối nội dung trên nền tảng số

4.2.3.1. Đổi mới chiến lược và cách thức tổ chức hoạt động phân phối nội dung trên nền tảng số

Chuyển từ tư duy đăng tải nội dung sang quản trị vòng đời nội dung; tích hợp hoạt động phân phối ngay từ giai đoạn xây dựng kế hoạch sản xuất.

4.2.3.2. Phát triển công chúng số và cộng đồng người dùng

Đẩy mạnh nghiên cứu hành vi công chúng; xây dựng cộng đồng người dùng trung thành; tăng cường tương tác và đồng sáng tạo nội dung với công chúng.

4.2.3.3. Mở rộng khả năng tiếp cận và độ phủ nội dung

Thứ nhất, tăng cường liên kết chéo giữa các nền tảng số

Thứ hai, cân bằng giữa nền tảng nội bộ và nền tảng xuyên biên giới trong hoạt động phân phối nội dung số

4.2.3.4. Tối ưu hoạt động phân phối dựa trên dữ liệu và công nghệ

Phát triển hệ thống dữ liệu tập trung; đẩy mạnh ứng dụng AI và các công cụ phân tích dữ liệu nhằm tối ưu hóa hiệu quả phân phối nội dung.

4.2.3.5. Giải pháp về quảng bá và lan tỏa nội dung

Triển khai các hoạt động quảng bá tích hợp trên toàn bộ hệ sinh thái nền tảng; phát huy vai trò của công chúng trong quá trình lan tỏa nội dung.

4.2.4. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả chuỗi tích hợp sản xuất – phân phối nội dung

4.2.4.1. Giải pháp tăng cường liên kết giữa hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên NTS

Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị; bảo đảm sự liên thông giữa các công đoạn trong toàn bộ chu trình nội dung.

4.2.4.2. Đổi mới tổ chức và cơ chế phối hợp theo hướng hội tụ

Sử dụng dữ liệu công chúng như một nguồn lực trung tâm trong quá trình sản xuất, phân phối và đánh giá hiệu quả nội dung.

4.2.4.3. Quản trị dữ liệu và tài sản nội dung số

Xây dựng hệ thống quản trị dữ liệu đồng bộ; chuẩn hóa dữ liệu và tài sản số; nâng cao hiệu quả khai thác dữ liệu phục vụ hoạt động nội dung.

2.4.4. Nâng cao khả năng thích ứng với môi trường truyền thông số

Tăng cường năng lực đổi mới sáng tạo, khả năng ứng dụng công nghệ mới và năng lực thích ứng của nguồn nhân lực trong môi trường truyền thông số.

4.2.4.5. Giải pháp phát triển nguồn thu và khai thác giá trị gia tăng từ nội dung trên nền tảng số

Tăng cường bảo vệ bản quyền, dữ liệu công chúng và tài sản số; phát huy giá trị truyền thông, giá trị xã hội và giá trị kinh tế của nội dung số.

4.2.4.6. Giải pháp về đào tạo

Trước yêu cầu đổi mới và chuyển đổi số của báo chí – truyền thông, đào tạo cần được xác định là giải pháp nền tảng và dài hạn nhằm phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất, phân phối nội dung trên NTS. Vì vậy, công tác đào tạo tại Đài THVN cần chuyển từ cách tiếp cận chủ yếu theo các khóa bồi dưỡng riêng lẻ sang phát triển năng lực số gắn với vị trí việc làm và toàn bộ chuỗi sản xuất - phân phối nội dung.

4.2.4.7. Giải pháp hoàn thiện hành lang pháp lý, đạo đức nghề nghiệp và bảo đảm định hướng chính trị trong hoạt động sản xuất, phân phối nội dung trên NTS

Đối với Đài THVN, là cơ quan truyền thông chủ lực quốc gia, gắn liền với sứ mệnh chính trị, giáo dục và định hướng dư luận, việc hoàn thiện hành lang pháp lý, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và cơ chế bảo đảm nguyên tắc chính trị trong môi trường số là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên NTS, đồng thời duy trì vai trò dẫn dắt thông tin chính thống trong không gian truyền thông đa nền tảng.

4.3. Kinh nghiệm quốc tế và bài học tham chiếu cho Đài THVN

4.3.1. Kinh nghiệm của một số Đài TH trên thế giới

- Mô hình sản xuất và phân phối nội dung đa nền tảng của BBC

- Mô hình sản xuất và phân phối nội dung đa nền tảng của CMG (Trung Quốc)

-Mô hình sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của NHK (Nhật Bản)

4.3.2. Bài học tham chiếu đối với Đài THVN

Thứ nhất, tăng cường liên kết giữa sản xuất và phân phối trong một chu trình thống nhất.

Thứ hai, xây dựng tài nguyên nội dung số dùng chung và nâng cao khả năng khai thác tài sản số.

Thứ ba, mở rộng vòng đời nội dung thay vì giới hạn giá trị sản phẩm ở thời điểm phát sóng.

Thứ tư, coi dữ liệu và công nghệ là yếu tố kết nối xuyên suốt chuỗi sản xuất – phân phối.

Thứ năm, phát triển nền tảng số sở hữu đồng thời với khai thác có chọn lọc các nền tảng của bên thứ ba.

Thứ sáu, chuyển đổi số phải gắn với chức năng và giá trị cốt lõi của đài truyền hình quốc gia.

4.4. Đề xuất mô hình nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên NTS của Đài THVN

- Cơ sở xây dựng mô hình

Mô hình được xây dựng trên cơ sở lý luận về truyền thông hội tụ, chuỗi giá trị truyền thông, kết quả khảo sát thực tiễn và yêu cầu chuyển đổi số của Đài THVN.

- Các yếu tố chính của mô hình

- Cơ chế vận hành của mô hình

- Điều kiện triển khai mô hình

Tiểu kết chương 4

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, Chương 4 đã xác định những vấn đề đặt ra đối với hoạt động sản xuất, phân phối và tích hợp sản xuất – phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN; đồng thời đề xuất hệ thống giải pháp và mô hình tích hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang làm thay đổi sâu sắc môi trường truyền thông, hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số trở thành một yêu cầu quan trọng đối với các cơ quan báo chí, trong đó có Đài Truyền hình Việt Nam. Với mục tiêu nghiên cứu hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN, luận án tiếp cận vấn đề trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng nhằm làm rõ thực trạng, những vấn đề đặt ra, từ đó đề xuất hệ thống giải pháp và mô hình phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số của Đài THVN.

Thứ nhất, luận án đã hệ thống hóa và bổ sung cơ sở lý luận về hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số trong lĩnh vực báo chí – truyền thông. Trên cơ sở vận dụng lý thuyết hội tụ truyền thông và lý thuyết chuỗi giá trị truyền thông, luận án xây dựng khung phân tích gồm ba hợp phần chính: hoạt động sản xuất nội dung trên NTS; hoạt động phân phối nội dung trên NTS; và chuỗi tích hợp sản xuất – phân phối nội dung trên NTS. Khung phân tích này là cơ sở để xác định các tiêu chí nghiên cứu và triển khai khảo sát thực tiễn tại Đài THVN.

Thứ hai, kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số tại Đài THVN đang có sự chuyển dịch theo hướng hội tụ và đa nền tảng. Mô hình newsroom hội tụ từng bước được hình thành; hệ sinh thái phân phối được mở rộng trên VTVGo, VTV.vn, YouTube, Facebook và TikTok; dữ liệu công chúng, công nghệ số và các hệ thống quản trị nội dung từng bước được đưa vào hoạt động sản xuất và phân phối. Nội dung không chỉ được tổ chức cho phát sóng truyền hình mà ngày càng được phát triển, thích ứng và phân phối trên nhiều nền tảng, qua đó mở rộng khả năng tiếp cận công chúng và tăng khả năng lan tỏa thông tin trong môi trường số.

Bên cạnh những kết quả đạt được, luận án cũng chỉ ra một số hạn chế trong quá trình chuyển đổi. Năng lực số của đội ngũ còn chưa đồng đều; nội dung số gốc còn hạn chế; việc khai thác dữ liệu công chúng chưa được triển khai đồng bộ; công nghệ và AI chủ yếu giữ vai trò hỗ trợ ở một số khâu; mức độ liên kết giữa sản xuất, phân

phối, dữ liệu và phản hồi chưa thật sự chặt chẽ; khả năng khai thác các giá trị từ tài sản nội dung và phát triển các nguồn thu trong môi trường số còn chưa tương xứng với tiềm năng. Những hạn chế này cho thấy quá trình chuyển đổi từ phương thức vận hành truyền hình truyền thống sang phương thức vận hành tích hợp trên nền tảng số tại Đài THVN vẫn đang trong quá trình hoàn thiện.

Thứ ba, trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực tiễn, luận án xác định những vấn đề đặt ra đối với hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số tại Đài THVN, đồng thời đề xuất ba nhóm giải pháp: giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất nội dung số; giải pháp nâng cao hiệu quả phân phối nội dung số; và giải pháp nâng cao hiệu quả chuỗi tích hợp sản xuất – phân phối nội dung số. Các giải pháp tập trung vào phát triển nguồn nhân lực số; tăng cường nghiên cứu và khai thác dữ liệu công chúng; phát triển nội dung phù hợp với đặc trưng nền tảng; tăng cường ứng dụng công nghệ và AI; hoàn thiện cơ chế quản trị dữ liệu và tài sản nội dung; phát triển hệ sinh thái phân phối đa nền tảng; tăng cường tương tác với công chúng; đồng thời nâng cao khả năng khai thác các giá trị được tạo ra từ nội dung số.

Thứ tư, trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận, thực tiễn và tham chiếu kinh nghiệm quốc tế, luận án đề xuất mô hình nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN theo hướng tích hợp, lấy công chúng làm trung tâm, vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ. Mô hình gồm sáu thành tố có quan hệ chặt chẽ: nguồn lực đầu vào; trung tâm điều phối nội dung số (Digital Newsroom Hub); chuỗi giá trị sản xuất – phân phối nội dung số; hệ sinh thái nền tảng số; hệ thống giá trị đầu ra; và cơ chế phản hồi – tối ưu liên tục. Trong đó, Digital Newsroom Hub đóng vai trò đầu mối điều phối; chuỗi sản xuất – phân phối là trục vận hành cốt lõi; dữ liệu và công nghệ tạo điều kiện kết nối các thành tố; dữ liệu và phản hồi từ quá trình phân phối được đưa trở lại hoạt động sản xuất, hình thành một chu trình có khả năng điều chỉnh và tối ưu liên tục.

Mô hình hướng tới việc tạo lập đồng thời các giá trị đã được xác định trong khung nghiên cứu của luận án, gồm giá trị công chúng, giá trị thương hiệu, giá trị khai thác tài sản nội dung, giá trị

kinh tế và giá trị chính trị – xã hội. Việc tạo lập các giá trị này được đặt trong mối quan hệ với chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm phục vụ công chúng của Đài THVN, trong đó dữ liệu, thuật toán và AI giữ vai trò hỗ trợ, còn quyết định biên tập và trách nhiệm đối với nội dung thuộc về con người.

Đối chiếu giả thuyết nghiên cứu với kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho phép đối chiếu ba giả thuyết được xây dựng trên cơ sở khung lý thuyết và khung phân tích của luận án.

Giả thuyết 1 (H1): Hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN đang chuyển dịch từ phương thức chủ yếu phục vụ phát sóng sang phương thức sản xuất và phân phối đa nền tảng; trong đó, yêu cầu của nền tảng, đặc điểm của công chúng và khả năng khai thác dữ liệu ngày càng được chú trọng trong tổ chức sản xuất, phát triển và phân phối nội dung.

Kết quả khảo sát, PVS và phân tích thực tiễn cho thấy hoạt động sản xuất và phân phối tại Đài THVN đã có sự chuyển dịch theo hướng hội tụ và đa nền tảng. Các yếu tố về nguồn nhân lực, nội dung, công nghệ, dữ liệu và nền tảng ngày càng tham gia vào quá trình tổ chức sản xuất và phân phối. Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy các thang đo được sử dụng trong nghiên cứu đạt yêu cầu, với hệ số Cronbach's Alpha từ 0,851 đến 0,940; kết quả EFA cho thấy các biến quan sát được tập hợp thành các thành tố phù hợp với khung phân tích của nghiên cứu. Các kết quả định lượng và định tính vì vậy phù hợp với H1 về xu hướng chuyển dịch từ phương thức chủ yếu phục vụ phát sóng sang phương thức sản xuất và phân phối đa nền tảng.

Giả thuyết 2 (H2): Sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN có xu hướng chuyển từ quy trình tuyến tính sang chu trình có phản hồi, trong đó dữ liệu, phản hồi của công chúng và kết quả phân phối được sử dụng để hỗ trợ điều chỉnh nội dung, kế hoạch và phương thức sản xuất; tuy nhiên, cơ chế liên kết và phản hồi này chưa được thực hiện đồng bộ giữa các khâu và đơn vị.

Kết quả nghiên cứu cho thấy dữ liệu và phản hồi từ quá trình phân phối đã từng bước được sử dụng để hỗ trợ hoạt động sản xuất và phân phối nội dung. Việc theo dõi công chúng, tối ưu nội dung theo nền tảng, ứng dụng công nghệ và khai thác các chỉ số sau phân

phối cho thấy sự xuất hiện của cơ chế phản hồi trong chu trình nội dung. Tuy nhiên, mức độ liên kết giữa các khâu sản xuất, phân phối, dữ liệu, công nghệ và phản hồi còn chưa đồng đều; việc khai thác dữ liệu chưa được triển khai thống nhất trong toàn bộ hệ thống. Kết quả khảo sát và PVS do đó xác nhận H2 về xu hướng chuyển từ quy trình tuyến tính sang chu trình có phản hồi, đồng thời cho thấy quá trình chuyển đổi này chưa hoàn thiện.

Giả thuyết 3 (H3): Sự vận hành và liên kết giữa hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số của Đài THVN gắn với mức độ đồng bộ của các điều kiện về tổ chức và phối hợp, năng lực nhân sự, hạ tầng công nghệ, quản trị dữ liệu và khả năng thích ứng với đặc trưng của từng nền tảng; những bất cập hoặc thiếu đồng bộ giữa các điều kiện này có thể hạn chế sự vận hành của chu trình sản xuất – phân phối nội dung trên nền tảng số.

Đối với nhóm biến tích hợp sản xuất – phân phối, kết quả kiểm định độ tin cậy và EFA cho thấy cấu trúc thang đo gồm bốn thành tố: liên kết chu trình sản xuất – phân phối; quản trị dữ liệu và tài sản số; khả năng thích ứng; và giá trị tạo ra. Các hệ số tải nhân tố đạt yêu cầu, dao động từ 0,783 đến 0,894. Kết quả khảo sát và PVS đồng thời cho thấy mức độ liên kết giữa các khâu, khả năng khai thác dữ liệu, điều kiện công nghệ và năng lực thích ứng có vai trò quan trọng đối với quá trình vận hành chuỗi sản xuất – phân phối. Những hạn chế về phối hợp, dữ liệu, công nghệ và năng lực số cũng được ghi nhận trong quá trình nghiên cứu thực tiễn. Vì vậy, kết quả nghiên cứu xác nhận H3 về vai trò của sự đồng bộ giữa các điều kiện trong quá trình vận hành và liên kết hoạt động sản xuất – phân phối nội dung trên NTS.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm ủng hộ các giả thuyết nghiên cứu và làm rõ quá trình chuyển dịch của hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số tại Đài THVN. Quá trình này thể hiện xu hướng chuyển từ sản xuất chủ yếu phục vụ phát sóng sang sản xuất đa nền tảng; từ phân phối theo kênh sang phân phối trong hệ sinh thái nền tảng; và từ mối quan hệ tương đối tuyến tính giữa sản xuất và phân phối sang chu trình có sự tham gia ngày càng rõ hơn của dữ liệu, công nghệ, công chúng và

cơ chế phản hồi. Tuy nhiên, mức độ tích hợp giữa các thành tố chưa hoàn toàn đồng bộ, qua đó đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế tổ chức, nguồn nhân lực, hạ tầng công nghệ, quản trị dữ liệu và khả năng khai thác giá trị từ nội dung số.

Về phương diện khoa học, luận án góp phần hệ thống hóa và bổ sung cơ sở lý luận về hoạt động sản xuất và phân phối nội dung trên nền tảng số trong lĩnh vực báo chí – truyền thông; đồng thời đề xuất khung tiếp cận hoạt động này trong mối quan hệ tích hợp giữa sản xuất, phân phối, dữ liệu, công nghệ, nền tảng, công chúng và quá trình tạo lập giá trị. Việc xem xét sản xuất và phân phối trong một chu trình có phản hồi góp phần làm rõ sự thay đổi của chuỗi giá trị truyền thông trong bối cảnh nền tảng hóa và chuyển đổi số.

Về phương diện thực tiễn, kết quả nghiên cứu cung cấp luận cứ cho Đài THVN trong quá trình hoàn thiện tổ chức sản xuất, phân phối đa nền tảng, phát triển nguồn nhân lực số, quản trị dữ liệu và tài sản nội dung, ứng dụng công nghệ và xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bộ phận. Hệ thống giải pháp và mô hình đề xuất có thể được sử dụng như một nguồn tham khảo cho quá trình tiếp tục chuyển đổi số tại Đài THVN và, với những điều chỉnh phù hợp với điều kiện cụ thể, cho các cơ quan báo chí – truyền thông có đặc điểm tương đồng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, luận án còn một số giới hạn. Nghiên cứu tập trung vào trường hợp Đài THVN. Việc tiếp cận dữ liệu chuyên sâu từ các nền tảng, đặc biệt là dữ liệu thuật toán, dữ liệu hành vi người dùng và dữ liệu vận hành nội bộ, còn hạn chế. Nghiên cứu cũng chủ yếu phản ánh hoạt động trong phạm vi thời gian khảo sát, trong khi công nghệ, nền tảng và hành vi công chúng tiếp tục thay đổi nhanh chóng. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng theo hướng nghiên cứu so sánh giữa các Đài truyền hình trong nước và Đài truyền hình trên thế giới, phân tích dữ liệu nền tảng theo thời gian, nghiên cứu sâu hơn về cá nhân hóa, quản trị thuật toán, ứng dụng AI, dữ liệu lớn và các mô hình tạo lập giá trị trong hệ sinh thái báo chí số.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Minh Hải, Nguyễn Thị Hà Giang (2023), “Sản xuất Video cho báo điện tử trong môi trường truyền thông số”, *Tạp chí Người làm báo* (473), tháng 7/2023, ISSN 0866-7691, tr.44-46.
2. Nguyễn Thị Hà Giang (2023), “Công chúng số, đối tượng quyết định sức mạnh, hiệu quả của báo chí”, *Tạp chí Người làm báo* (473), tháng 7/2023, ISSN 0866-7691, tr.22-24.
3. Nguyễn Thị Hà Giang (2023), “Công chúng số - Đối tượng quyết định sức mạnh, hiệu quả của báo chí truyền thông hiện đại”, *Báo chí truyền thông, những vấn đề trọng yếu*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, ISBN 978-604-080-8013-6, tr.341-355.
4. Nguyen Thi Ha Giang (2024), “Digital Content Business Strategy of the Press Communication in the Digital Age”, *Economics of Journalism and Communication in the Context of Digital Economy Development*, The Gioi Publishers, Hanoi, ISBN 978-604-7732-265-4, pp. 55-72.
5. Nguyen Thi Ha Giang (2025), “The Rise of Digital Media in Southeast Asia: Case Study on Vietnam Television’s Applied Research Strategy in the Production and Distribution of Digital Content”, *Digital Convergence of Media in Asia*, Nomos, Baden-Baden, Germany, ISBN 978-3-7560-3086-6, pp. 215-228.
6. Nguyen Thi Ha Giang (2025), “The Impact of the Platform Economy on the Media Market Ecosystem: Challenges and Sustainable Development Solutions”, *The third International Conference on the issues of social sciences and humanities*, Vietnam National University Press, Hanoi, ISBN 978-604-43-4874-2, pp.374-393.
7. Nguyễn Thị Hà Giang (2026), “Đề xuất khung năng lực của nhà báo trong sản xuất nội dung đa nền tảng: Nghiên cứu trường hợp Đài Truyền hình Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, Tập 32, Số 9 (2026), ISSN 2734-9764.